

Số: /QĐ-BNN-KHCN

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (đợt 1)
bắt đầu thực hiện từ năm 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2021 sửa đổi một số điều của Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Biên bản họp Hội đồng tư vấn xây dựng danh mục đặt hàng nhiệm vụ KHCN cấp Bộ bắt đầu thực hiện từ năm 2025 theo Quyết định số 927/QĐ-BNN-KHCN ngày 04/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục đặt hàng các đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm và đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ (đợt 1) bắt đầu thực hiện từ năm 2025 (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì hướng dẫn và tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện các đề tài KH&CN, dự án SXTN, đề tài KH&CN tiềm năng cấp Bộ trong danh mục tại Điều 1, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét phê duyệt theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN (KTD.10 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến

Phụ lục:

DANH MỤC ĐỀ TÀI KH&CN, DỰ ÁN SXTN, ĐỀ TÀI KH&CN TIỀM NĂNG CẤP BỘ ĐẠT HÀNG BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
A	ĐỀ TÀI KH&CN				
I	Trồng trọt-BVTV				
1.	Nghiên cứu tạo giống khoai lang năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ ăn tươi cho các vùng trồng chính	Tạo được các giống khoai lang mới có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp cho ăn tươi.	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo đánh giá thị hiếu tiêu dùng khoai lang ăn tươi của các vùng trồng chính.- Tối thiểu 06 dòng khoai lang ăn tươi triển vọng phục vụ tiêu dùng trong nước và đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu (02 dòng/vùng).- Giống khoai lang phù hợp cho ăn tươi (nhiễm nhẹ với bệnh thối dây) được bảo hộ và tự công bố lưu hành:<ul style="list-style-type: none">+ 01 giống khoai lang được bảo hộ và tự công bố lưu hành phù hợp nhu cầu ăn tươi cho vùng Đồng bằng sông Hồng, thời gian sinh trưởng từ 130-150 ngày (ở vụ Xuân hè) và từ 110-120 ngày (vụ Thu đông), nhiễm nhẹ với bệnh thối dây, năng suất trung bình đạt 20 - 25 tấn/ha, ít xơ, hàm lượng chất khô $\geq 27\%$, hàm lượng tinh bột $\geq 18\%$, hàm lượng Protein $\geq 1,5\%$, độ ngọt đạt điểm 3, độ bở đạt điểm 1-3.+ 01 giống khoai lang được bảo hộ và tự công bố lưu hành phù hợp nhu cầu ăn tươi cho các tỉnh miền Trung, thời gian sinh trưởng từ 120 -130 ngày, sinh trưởng phát triển tốt, nhiễm nhẹ bệnh thối dây, năng suất củ trung bình đạt 20-25 tấn/ha, ít xơ, hàm lượng chất khô $\geq 27\%$, hàm lượng tinh bột $\geq 18\%$, hàm lượng Protein $\geq 1,5\%$, độ ngọt đạt điểm 3, độ bở đạt điểm 1-3.+ 01 giống khoai lang mới được bảo hộ và tự công bố lưu hành phục vụ nhu cầu ăn tươi cho vùng Tây Nguyên, có thời gian sinh trưởng từ 105-120 ngày, sinh trưởng phát triển tốt, nhiễm nhẹ bệnh thối dây, năng suất củ trung bình đạt 27 - 30 tấn/ha, ít xơ, hàm lượng chất khô $\geq 30\%$, hàm lượng tinh bột $\geq 18\%$, hàm lượng Protein $\geq 1,5\%$, độ ngọt đạt điểm 3, độ bở đạt điểm 1-3.- Quy trình canh tác cho giống khoai lang mới (quy trình được công nhận cấp cơ sở).- Báo cáo kết quả thử nghiệm trình diễn giống khoai lang mới, hiệu quả	2025-2029	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
			kinh tế $\geq 15\%$ so với các giống đại trà trong sản xuất.		
2.	Nghiên cứu chọn, tạo giống táo chín sớm năng suất cao, chất lượng tốt tại các tỉnh phía Bắc	Chọn tạo được giống táo chín sớm, có năng suất cao, chất lượng tốt đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa ở các vùng trồng chính tại các tỉnh phía Bắc	<ul style="list-style-type: none"> - Ít nhất 01 giống táo mới có năng suất đạt ≥ 25 tấn/ha, khối lượng quả đạt ≥ 70g, độ brix $\geq 13,0\%$, chín sớm, phù hợp ở các tỉnh phía Bắc, được bảo hộ và tự công bố lưu hành. - 03 - 05 dòng táo lai triển vọng có khối lượng quả ≥ 70g, năng suất ≥ 30 tấn/ha, độ brix đạt $\geq 13,0\%$, chín sớm. - Ít nhất 01 quy trình kỹ thuật trồng và thâm canh giống táo mới ở các tỉnh phía Bắc, được công nhận cấp cơ sở. - Báo cáo kết quả thử nghiệm trình diễn giống táo mới, hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với giống đại trà trong sản xuất. 	2025-2029	Tuyển chọn
3.	Nghiên cứu các giải pháp khoa học công nghệ để cải tạo và tái canh chè trên đất trồng chè lâu năm tại các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc	Đề xuất được một số giải pháp khoa học công nghệ cải tạo đất và tái canh chè trên đất trồng chè lâu năm để góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất chè theo hướng bền vững tại các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hiện trạng đất trồng chè lâu năm ở vùng Trung du miền núi phía Bắc, đề xuất một số giải pháp cải tạo đất trước khi tái canh cây chè. - Quy trình kỹ thuật tái canh chè trên đất trồng chè lâu năm được công nhận TBKT. - Báo cáo kết quả thử nghiệm trình diễn áp dụng kỹ thuật tái canh chè trên đất trồng chè lâu năm, hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà. 	2025-2028	Tuyển chọn
4.	Nghiên cứu chọn tạo giống cà phê chè chất lượng cao	Chọn tạo được các giống cà phê chè có chất lượng cao, kháng bệnh gỉ sắt cho các vùng trồng cà phê chè chính ở Việt Nam, phục vụ nội tiêu và xuất khẩu	<ul style="list-style-type: none"> - Ít nhất 01 giống cà phê chè có khối lượng 100 nhân ≥ 16 g; tỷ lệ hạt trên sàng $16 \geq 75\%$; chất lượng thử nếm đạt ≥ 80 điểm theo tiêu chuẩn đánh giá của SCA; năng suất $\geq 2,5$ tấn nhân/ha; kháng cao với bệnh gỉ sắt; được công nhận lưu hành và đăng kí bảo hộ giống trong sản xuất. - 04 - 06 dòng cà phê chè triển vọng, có điểm thử nếm ≥ 82 điểm theo tiêu chuẩn đánh giá của SCA; kháng cao với bệnh gỉ sắt. - Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và sơ chế cà phê chè chất lượng cao, theo hướng bền vững cho các giống cà phê chè mới, được công nhận cấp cơ sở. - Báo cáo kết quả thử nghiệm trình diễn trồng, chăm sóc, thu hoạch và sơ chế các giống cà phê chè mới, hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà. 	2025-2029	Tuyển chọn
5.	Nghiên cứu chọn, tạo giống cây điều	Chọn, tạo được giống có năng suất, sản lượng cao	<ul style="list-style-type: none"> - 01 giống điều thích hợp cho Đông Nam bộ và Tây Nguyên, có năng suất hạt đạt trên 3,3 tấn/ha, tỷ lệ nhân thu hồi $\geq 28\%$, số hạt chìm trong 	2025-2029	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
	cho các vùng trồng chính	và xây dựng quy trình kỹ thuật ghép cải tạo điều nhằm nhân nhanh giống điều mới, nâng cao hiệu quả sản xuất điều tại vùng Đông Nam bộ, Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ	<p>nước $\geq 90\%$, kích cỡ hạt ≤ 160 hạt/1kg, được bảo hộ và tự công bố lưu hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 giống điều thích hợp cho Duyên hải Nam Trung bộ có năng suất hạt đạt trên 2,3 tấn/ha, tỷ lệ nhân thu hồi $\geq 28\%$, số hạt chìm trong nước $\geq 90\%$, kích cỡ hạt ≤ 160 hạt/1kg, được bảo hộ và tự công bố lưu hành. - Quy trình kỹ thuật ghép cải tạo cho giống điều mới, được công nhận cấp cơ sở. - Báo cáo kết quả thử nghiệm trình diễn giống mới chọn tạo, hiệu quả kinh tế cao hơn $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà. 		
6.	Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái và biện pháp quản lý tổng hợp tuyến trùng tại các vùng trồng lúa trọng điểm	Xác định được phân bố, quy luật phát sinh, phát triển và biện pháp quản lý tổng hợp tuyến trùng hại lúa hiệu quả, thân thiện với môi trường tại các vùng sản xuất trọng điểm trong cả nước	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về sự phân bố, thành phần loài tuyến trùng, loài gây hại chủ yếu và mức độ gây hại của chúng tại các vùng trồng lúa trọng điểm. - 01 bộ mẫu tiêu bản tuyến trùng và cây lúa bị hại. - Báo cáo về đặc điểm sinh học, sinh thái và quy luật phát sinh gây hại của loài gây hại chính trên lúa (hại rễ) tại các vùng trọng điểm trồng lúa. - Các biện pháp phòng chống hiệu quả, thân thiện với môi trường đối với tuyến trùng hại lúa (Lúa gieo sạ và cấy). - Quy trình quản lý tổng hợp tuyến trùng hại lúa tại các vùng sinh thái trọng điểm được công nhận tiến bộ kỹ thuật (lúa gieo sạ và cấy). - 05 điểm trình diễn quản lý tổng hợp tuyến trùng hại lúa, 3-5 ha/mô hình, ở các vùng trọng điểm trồng lúa, hiệu quả kinh tế tăng 10-15%. 	2025-2027	Tuyển chọn
7.	Nghiên cứu ứng dụng vật liệu bổ sung trong sản xuất phân bón NPK để nâng cao hiệu quả sản xuất và hạn chế phát thải khí nhà kính (KNK) trong canh tác lúa vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)	Xác định được các loại vật liệu/hoạt chất bổ sung để phát triển 01-02 loại phân bón NPK mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm phát thải khí nhà kính cho lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá, lựa chọn vật liệu/hoạt chất bổ sung vào phân bón NPK hỗ trợ nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón đồng thời giảm phát thải KNK trong canh tác lúa. - Quy trình sản xuất phân bón mới với tiêu chuẩn cơ sở. - 01-02 loại phân bón mới được sản xuất thử nghiệm (quy mô ít nhất 05 tấn/loại) và được đăng ký lưu hành. - Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế và khả năng giảm phát thải KNK của phân bón mới trong sản xuất lúa ở vùng ĐBSCL. - Quy trình sử dụng phân bón mới cho cây lúa tại 03 tiểu vùng sinh thái ĐBSCL. - 03 điểm trình diễn canh tác lúa sử dụng phân bón mới (quy mô 3-5ha/điểm) tại 03 tiểu vùng sinh thái ĐBSCL, tiết kiệm ít nhất 20% phân đạm, giảm phát thải KNK tối thiểu 15% và tăng hiệu quả kinh tế $>15\%$ so 	2025-2027	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
			với quy trình canh tác khuyến cáo hiện nay của vùng.		
II	Chăn nuôi - Thú y				
8.	Chọn lọc ổn định năng suất 2 dòng vịt siêu thịt từ nguồn nguyên liệu vịt STAR53 nhập nội	Chọn lọc ổn định được năng suất 2 dòng vịt siêu thịt là sản phẩm của đề tài cấp Bộ: chọn tạo 02 dòng vịt siêu thịt từ nguồn nguyên liệu vịt Star53 nhập nội	<ul style="list-style-type: none"> - Dòng trống: 200 con mái sinh sản và 50 con trống; Khối lượng cơ thể 7 tuần tuổi cho ăn theo định lượng con trống $\geq 2,6\text{kg}$, con mái $\geq 2,4\text{kg}$; năng suất trứng/mái/42 tuần đẻ $\geq 186,5$ quả; khối lượng cơ thể và năng suất trứng ổn định qua 3 thế hệ, CV của khối lượng $\leq 10\%$, CV của NST $\leq 15\%$. Dòng trống được công nhận TBKT. - Dòng mái: 400 con mái sinh sản và 100 con trống Khối lượng cơ thể 8 tuần tuổi cho ăn theo định lượng con trống 2,2-2,4kg, con mái 2,0-2,2kg; năng suất trứng/mái/42 tuần đẻ ≥ 227 quả; năng suất trứng và khối lượng cơ thể ổn định qua 3 thế hệ, CV của NST $\leq 15\%$, CV của khối lượng $\leq 10\%$. Dòng mái được công nhận TBKT. - Vịt thương phẩm là con lai giữa 2 dòng vịt mới tạo ra: khối lượng cơ thể 49 ngày tuổi $\geq 3,7\text{kg}/\text{con}$; tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng $\leq 2,45\text{kg}$, tỷ lệ thịt ức đạt $\geq 22\%$. Vịt thương phẩm được công nhận TBKT. 	2025-2027	Tuyển chọn
9.	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng và cho thịt của trâu lai giữa trâu Thái Lan và trâu Việt Nam	Đánh giá được khả năng sinh trưởng và cho thịt của trâu lai giữa trâu Thái Lan và trâu Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - 60 con trâu lai (trâu đực Thái Lan x trâu cái Langbiang, trâu đực Langbiang x trâu cái Thái Lan): khối lượng sơ sinh ≥ 30 kg; 06 tháng: đực $\geq 130\text{kg}$, cái ≥ 120 kg; 12 tháng: đực $\geq 180\text{kg}$, cái ≥ 160 kg; 24 tháng: đực ≥ 280 kg, cái ≥ 260 kg; 30 tháng: đực ≥ 350 kg, cái ≥ 330 kg, tỷ lệ thịt xẻ $\geq 45\%$. - 60 con trâu lai (trâu đực Thái Lan x trâu cái Thanh Chương, trâu đực Thanh Chương x trâu cái Thái Lan): khối lượng sơ sinh ≥ 28 kg; 06 tháng: đực $\geq 120\text{kg}$, cái ≥ 110 kg; 12 tháng: đực $\geq 180\text{kg}$, cái ≥ 150 kg; 24 tháng: đực ≥ 270 kg, cái ≥ 250 kg; 30 tháng: đực ≥ 340 kg, cái ≥ 320 kg, tỷ lệ thịt xẻ $\geq 45\%$. - Quy trình chăn nuôi trâu lai. 	2025-2029	Tuyển chọn
10.	Nghiên cứu đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> và <i>Salmonella spp.</i> gây bệnh ở lợn, gà	Xác định được đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> và <i>Salmonella spp.</i> gây bệnh đường tiêu hóa, hô hấp nhằm chủ động kiểm soát	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực trạng sử dụng kháng sinh trong phòng trị một số bệnh đường tiêu hóa, hô hấp ở lợn và gà tại Việt Nam. - Báo cáo tỷ lệ nhiễm vi khuẩn kháng kháng sinh, đặc điểm sinh học phân tử gen kháng kháng sinh, gen độc lực của vi khuẩn có nguy cơ gây bệnh trên gà và lợn. - 10 chủng vi khuẩn phân lập gây bệnh mang gen kháng với nhóm kháng 	2025-2027	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
		việc sử dụng kháng sinh tại các trại chăn nuôi lợn và gà.	sinh quan trọng <i>Escherichia coli</i> , <i>Salmonella spp</i>		
11.	Nghiên cứu chế tạo vắc-xin vô hoạt tam giá phòng bệnh Newcastle, hội chứng giảm đẻ (EDS) và sung phù đầu (Coryza) ở gà.	Chế tạo thành công vắc-xin vô hoạt tam giá phòng bệnh Newcastle, hội chứng giảm đẻ (EDS) và sung phù đầu (Coryza) ở gà	<ul style="list-style-type: none"> - 02 chủng giống vi rút (Newcastle, EDS) và 02 chủng giống vi khuẩn (H.P tuýp A, C) được cơ quan có thẩm quyền thẩm định đạt yêu cầu. - 10.000 liều vắc-xin tam giá vô hoạt phòng bệnh Newcastle, hội chứng giảm đẻ (EDS) và sung phù đầu (Coryza) ở gà. Vắc-xin đạt chỉ tiêu thuần khiết, vô trùng, an toàn 100%; hiệu lực $\geq 80\%$. - Vắc-xin được cơ quan có thẩm quyền kiểm nghiệm đạt yêu cầu. - Quy trình sản xuất, bảo quản và sử dụng vắc-xin tam giá phòng bệnh Newcastle, hội chứng giảm đẻ (EDS) và sung phù đầu (Coryza) ở gà. 	2025-2028	Tuyển chọn
III	Cơ điện và CNSTH				
12.	Nghiên cứu công nghệ và thiết bị chế biến vỏ quả sầu riêng làm thành nén nhiên liệu công suất 2-2,5 tấn nguyên liệu/giờ	Xây dựng được quy trình công nghệ và Thiết kế, chế tạo được hệ thống thiết bị chế biến vỏ quả sầu riêng làm thành nén nhiên liệu công suất 2-2,5 tấn nguyên liệu/giờ. Hệ thống thiết bị được áp dụng có hiệu quả trong sản xuất nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng quá trình chế biến sầu riêng và góp phần bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Quy trình công nghệ sản xuất thanh nén nhiên liệu từ vỏ quả sầu riêng được Hội đồng KH&CN cấp cơ sở thông qua. - 01 bộ hồ sơ thiết kế hệ thống thiết bị sản xuất thanh nén nhiên liệu từ vỏ quả sầu riêng, công suất 2-2,5 tấn nguyên liệu/giờ, bản vẽ thiết kế các máy, thiết bị đáp ứng được yêu cầu theo các TCVN 8-30:2003 và TCVN 8-40:2003 được nghiệm thu cấp cơ sở. - Hệ thống thiết bị sản xuất thanh nén nhiên liệu công suất 2 -2,5 tấn nguyên liệu/giờ được cơ quan có chức năng giám định đánh giá chất lượng, bao gồm các thiết bị chính: <ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống xử lý vỏ quả sầu riêng năng suất 2-2,5 tấn nguyên liệu/giờ gồm: Máy băm vỏ quả, thiết bị ép tách nước sơ bộ và máy làm toi sau băm ép; + Máy sấy công suất 1,5-2 tấn/h sử dụng để sấy sản phẩm sau băm ép tạo nguyên liệu có độ ẩm < 14 % cho máy ép thanh; + Máy ép thanh nhiên liệu từ vỏ quả sầu riêng công suất 500-600 kg/h tạo sản phẩm thanh nhiên liệu có các thông số: Đường kính từ 70-90 mm; Chiều dài thanh nén từ 200-300 mm; Khối lượng riêng thanh nén nhiên liệu > 0,7 kg/dm³. - 01 mô hình ứng dụng hệ thống thiết bị trong sản xuất được đánh giá hiệu quả kinh tế. - 01 sở hữu trí tuệ (được chấp nhận đơn hợp lệ). 	2025 - 2027	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
13.	Nghiên cứu một số công nghệ và thiết bị sản xuất muối thực phẩm đạt sản phẩm OCOP tại khu vực các tỉnh phía Nam quy mô hợp tác xã	Xây dựng được quy trình công nghệ và thiết kế, chế tạo được các thiết bị sản xuất muối thực phẩm (muối hầm) từ nước ót, quy mô 0,3-0,5 tấn /mẻ và muối thực phẩm từ muối thô năng suất 0,5-1 tấn /giờ đạt sản phẩm OCOP được áp dụng có hiệu quả trong sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Quy trình công nghệ sản xuất muối thực phẩm (muối hầm) từ nước ót tạo sản phẩm muối hầm có hàm lượng Nacl thấp. - 01 Quy trình công nghệ sản xuất muối thực phẩm từ muối thô đạt yêu cầu sản phẩm OCOP quy mô hợp tác xã (được công nhận là tiến bộ kỹ thuật). - Hồ sơ thiết kế các máy, thiết bị sản xuất muối hầm từ nước ót, quy mô 0,3-0,5 tấn /mẻ và muối thực phẩm từ muối thô năng suất 0,5-1 tấn /giờ; bản vẽ thiết kế các máy, thiết bị đáp ứng yêu cầu theo TCVN 8-30:2003 và TCVN 8-40:2003 (được Hội đồng cấp cơ sở nghiệm thu). - Hệ thống máy, thiết bị sản xuất muối thực phẩm được cơ quan có chức năng giám định đánh giá chất lượng, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + 01 Hệ thống thiết bị chế biến muối hầm từ nước ót, quy mô 0,3-0,5 tấn /mẻ bao gồm hệ thống thiết bị sản xuất muối từ nước ót và hệ thống thiết bị sản xuất muối hầm sử dụng nguồn nhiệt từ phụ phế phẩm nông nghiệp. + 01 Dây chuyền thiết bị chế biến muối thô thành muối thực phẩm đạt sản phẩm OCOP năng suất 0,5-1 tấn /giờ gồm các thiết bị chính: Máy rửa, máy nghiền, máy vắt ly tâm, máy sấy và máy đóng túi. - 01 Mô hình ứng dụng sản phẩm của đề tài vào sản xuất muối hầm từ nước ót, 3 tấn sản phẩm muối hầm có hàm lượng Nacl khoảng 89-92%. - 01 Mô hình ứng dụng dây chuyền thiết bị vào chế biến muối thô thành muối thực phẩm, 10 tấn muối tinh đạt sản phẩm OCOP. 	2025-2027	Tuyển chọn
IV	Kinh tế chính sách				
14.	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp hỗ trợ HTX trong nông nghiệp thực hiện các quy định mới của Luật HTX năm 2023.	- Nhận diện và làm rõ các quy định mới của Luật HTX 2023. Phân tích những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện Luật HTX năm 2023 liên quan đến: Thành viên; Tài sản, tài chính; Giao dịch nội bộ; Cho vay nội bộ; Kiểm soát nội bộ; Doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng quan và nhận diện, làm rõ các quy định mới của Luật HTX 2023. - Báo cáo phân tích thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện các quy định mới của Luật HTX năm 2023 về: Thành viên; Tài sản, tài chính; Giao dịch nội bộ; Cho vay nội bộ; Kiểm soát nội bộ; Doanh nghiệp trong HTX). - Báo cáo kết quả thử nghiệm thực hiện các quy định mới của Luật HTX năm 2023 tại một số HTX đại diện về: Thành viên; Tài sản, tài chính; Giao dịch nội bộ; Cho vay nội bộ; Kiểm soát nội bộ; Doanh nghiệp trong HTX. 	2025 - 2026	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
		nghiệp trong HTX. - Thử nghiệm và đề xuất các giải pháp thực hiện các quy định mới về: Thành viên; Tài sản, tài chính; Giao dịch nội bộ; Cho vay nội bộ; Kiểm soát nội bộ; Doanh nghiệp trong HTX). - Biên soạn sổ tay hướng dẫn thực hiện các quy định mới của luật HTX năm 2023 về: Thành viên; Tài sản, tài chính; Giao dịch nội bộ; Cho vay nội bộ; Kiểm soát nội bộ; Doanh nghiệp trong HTX).	- Báo cáo đề xuất các giải pháp thực hiện các quy định mới của Luật HTX năm 2023 về: Thành viên; Tài sản, tài chính; Giao dịch nội bộ; Cho vay nội bộ; Kiểm soát nội bộ; Doanh nghiệp trong HTX. Được Cục KTHT và PTNT tiếp nhận. - Sổ tay hướng dẫn thực hiện các quy định mới của luật HTX năm 2023 về: Thành viên; Tài sản, tài chính; Giao dịch nội bộ; Cho vay nội bộ; Kiểm soát nội bộ; Doanh nghiệp trong HTX). Được Cục KTHT và PTNT tiếp nhận.		
15.	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đồng bộ nhằm nhân rộng phương thức sản xuất nông nghiệp sinh thái vùng Trung du miền núi phía Bắc	- Luận giải cơ sở khoa học về các giải pháp đồng bộ nhằm nhân rộng phương thức sản xuất nông nghiệp sinh thái. - Đánh giá thực trạng và thử nghiệm áp dụng các giải pháp đồng bộ nhằm nhân rộng phương thức sản xuất nông nghiệp sinh thái trên địa bàn một số huyện vùng Trung du miền núi phía Bắc. - Đề xuất các giải pháp đồng bộ nhằm nhân rộng	- Báo cáo luận giải cơ sở khoa học về các giải pháp đồng bộ nhằm nhân rộng phương thức sản xuất nông nghiệp sinh thái. - Báo cáo đánh giá thực trạng phương thức sản xuất nông nghiệp sinh thái vùng Trung du miền núi phía Bắc giai đoạn 2021-2025. - Báo cáo thử nghiệm áp dụng các giải pháp đồng bộ nhằm nhân rộng phương thức SX nông nghiệp sinh thái trên địa bàn một số huyện vùng Trung du miền núi phía Bắc. - Đề xuất các giải pháp đồng bộ nhằm nhân rộng phương thức SX nông nghiệp sinh thái vùng Trung du miền núi phía Bắc đến năm 2030. Được Cục KTHT và PTNT tiếp nhận.	2025 - 2026	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
		phương thức sản xuất nông nghiệp sinh thái vùng Trung du miền núi phía Bắc đến năm 2030.			
16.	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát triển phương thức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tích hợp đa giá trị tại vùng ĐBSCL.	<ul style="list-style-type: none"> - Luận giải cơ sở khoa học về phương thức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tích hợp đa giá trị: kinh tế, văn hóa, môi trường và các giải pháp phát triển. - Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá phương thức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tích hợp đa giá trị: kinh tế, văn hóa, môi trường và các giải pháp phát triển. - Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển phương thức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tích hợp đa giá trị: kinh tế, văn hóa, môi trường và các giải pháp phát triển tại vùng ĐBSCL đến 2030. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo luận giải cơ sở khoa học về phương thức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tích hợp đa giá trị kinh tế, văn hóa, môi trường và các giải pháp phát triển. - Xây dựng được Bộ tiêu chí đánh giá phương thức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tích hợp đa giá trị: kinh tế, văn hóa, môi trường. - Báo cáo đánh giá thực trạng các phương thức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tích hợp đa giá trị: kinh tế, văn hóa, môi trường và các giải pháp phát triển tại vùng ĐBSCL giai đoạn 2021-2025 theo Bộ tiêu chí. - Đề xuất giải pháp phát triển phương thức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tích hợp đa giá trị: kinh tế, văn hóa, môi trường và các giải pháp phát triển tại vùng ĐBSCL đến 2030. Được Cục KTHT và PTNT tiếp nhận. 	2025 – 2026	Tuyển chọn
V	Lâm nghiệp				
17.	Nghiên cứu chọn giống Bạch đàn để trồng rừng gỗ lớn cho vùng cao Tây Bắc	- Chọn được một số giống Bạch đàn có năng suất tối thiểu 20m ³ /ha/năm và chất lượng gỗ tốt phục vụ trồng rừng gỗ lớn cho	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ha khảo nghiệm hậu thế được đánh giá về sinh trưởng và tính chất gỗ của các gia đình có triển vọng; tía thưa mô hình khảo nghiệm hậu thế thành vườn giống hữu tính. - 04 giống Bạch đàn mới được công nhận cho vùng cao Tây Bắc (độ cao > 900 m). 	2025-2029	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
		<p>vùng cao Tây Bắc (độ cao > 900m so với mực nước biển).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được biện pháp kỹ thuật nhân giống và trồng rừng Bạch đàn cho vùng cao Tây Bắc độ cao > 900 m có năng suất tối thiểu 20m³/ha/năm. 	<ul style="list-style-type: none"> - 4,5 ha khảo nghiệm dòng vô tính Bạch đàn ở độ cao > 900 m (1,5 ha/tinh) theo TCVN 8761-1:2017, trong đó có kế thừa 7 giống mới đã được công nhận ở độ cao 700 m và một số dòng từ 30 tổ hợp lai đã được khảo nghiệm ở giai đoạn 1. - 02 ha thí nghiệm biện pháp kỹ thuật trồng rừng thâm canh Bạch đàn cho vùng cao Tây Bắc (độ cao > 900m). - 01 hướng dẫn kỹ thuật nhân giống vô tính các giống Bạch đàn mới ở độ cao > 900 m. - 01 hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng thâm canh các giống Bạch đàn mới ở độ cao > 900 m. 		
18.	<p>Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật trồng rừng thâm canh Sấu tía (<i>Sandoricum indicum</i> Cav.) cung cấp gỗ lớn tại vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (độ cao > 900m).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Công nhận được giống mới Sấu tía có năng suất >15 m³/ha/năm cho vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. - Xây dựng được quy trình kỹ thuật nhân giống bằng hom và trồng rừng thâm canh Sấu tía cung cấp gỗ lớn đạt năng suất rừng đạt >15 m³/ha/năm cho vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. 	<ul style="list-style-type: none"> - 01 xuất xứ và 02 gia đình Sấu tía ở các khảo nghiệm đã xây dựng trong giai đoạn 1, có năng suất >15 m³/ha/năm được công nhận. - 40 cây trội Sấu tía được chọn bổ sung ở vùng Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, có năng suất, chất lượng cao, đáp ứng được TCVN 8755. - 3,0ha (1,5 ha/vùng) khảo nghiệm khảo nghiệm hậu thế kết hợp đánh giá xuất xứ và xây dựng vườn giống hữu tính, đáp ứng được TCVN 8761-1 :2017, có tỷ lệ sống > 85% ở thời điểm 3 năm tuổi (từ ít nhất 50 gia đình cây trội được chọn ở giai đoạn 1 và chọn bổ sung) tại vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (độ cao > 900 m). - 01 xuất xứ và 02 gia đình Sấu tía có triển vọng/vùng (trồng mới tại vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với độ cao >900 m) có sinh trưởng vượt 15% so với trung bình của khảo nghiệm và triển vọng đạt năng suất > 15 m³/ha/năm. - 03 ha khảo nghiệm dòng vô tính (từ ít nhất 30 cây đầu dòng) tại Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (1,5 ha/vùng), đáp ứng được TCVN 8761-1 :2017. - 02 dòng vô tính có triển vọng/vùng đạt năng suất > 15 m³/ha/năm cho vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. - 03 ha thí nghiệm trồng rừng thâm canh Sấu Tía tại vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (1,5ha/vùng) có tỷ lệ sống > 85%. - 01 Quy trình nhân giống bằng hom Sấu tía (được công nhận tiến bộ kỹ thuật). - 01 Quy trình kỹ thuật trồng rừng thâm canh Sấu tía cung cấp gỗ lớn 	2025 - 2029	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
19.	Nghiên cứu giải pháp phòng trừ tổng hợp một số bệnh hại chính cây Quế (<i>Cinnamomum cassia</i> (L.) J. Presl.) ở vườn ươm và rừng trồng theo hướng hữu cơ tại một số vùng trồng Quế chính ở Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được biện pháp và xây dựng được mô hình phòng trừ tổng hợp một số bệnh hại chính cây Quế ở vườn ươm và rừng trồng theo hướng hữu cơ. - Xây dựng được quy trình phòng trừ tổng hợp một số bệnh hại chính cây Quế ở vườn ươm và rừng trồng theo hướng hữu cơ. 	<p>được bổ sung, hoàn thiện đảm bảo năng suất rừng đạt >15 m³/ha/năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 danh mục các loại bệnh hại cây Quế ở giai đoạn vườn ươm và rừng trồng. - 01 bộ cơ sở dữ liệu (triệu chứng bệnh hại, mẫu ảnh triệu chứng các giai đoạn phát triển của bệnh hại và đặc điểm sinh học, sinh thái) của một số bệnh hại chính cây Quế giai đoạn vườn ươm và rừng trồng. - 03 mô hình (1.000 cây con/mô hình x 03 vùng) phòng trừ tổng hợp một số bệnh chính hại cây Quế giai đoạn vườn ươm theo hướng hữu cơ. - 03 mô hình (02ha/mô hình x 03 vùng) phòng trừ tổng hợp theo hướng hữu cơ một số bệnh chính hại cây Quế ở rừng trồng đạt hiệu quả phòng trừ ≥ 75% và hiệu quả kinh tế ≥ 15% so với đối chứng (đại trà). - 02 quy trình phòng trừ tổng hợp một số bệnh chính hại cây Quế ở vườn ươm và rừng trồng theo hướng hữu cơ. Trong đó, ít nhất 01 quy trình được công nhận là tiên bộ kỹ thuật. 	2025 -2027	Tuyển chọn
20.	Nghiên cứu ứng dụng viễn thám đa tầng, đa độ phân giải để xây dựng mô hình và phân mềm ước tính sinh khối và trữ lượng carbon cho một số trạng thái rừng điển hình ở Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được mô hình ước tính sinh khối, trữ lượng carbon cho một số trạng thái rừng điển hình từ dữ liệu viễn thám đa tầng, đa độ phân giải. - Xây dựng được phần mềm tự động theo dõi, giám sát, đánh giá sự thay đổi trữ lượng carbon rừng từ dữ liệu viễn thám. - Xây dựng quy trình kỹ thuật theo dõi, giám sát, đánh giá sự thay đổi trữ lượng carbon rừng từ dữ liệu viễn thám. - Thiết lập được cơ sở WebGIS và hệ thống tự động cung cấp thông tin 	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Bộ cơ sở dữ liệu về hiện trạng một số trạng thái rừng điển hình ở Việt Nam; - 01 Mô hình ước tính sinh khối, trữ lượng carbon rừng ứng dụng viễn thám đa tầng, đa độ phân giải cho một số trạng thái rừng điển hình ở Việt Nam đảm bảo độ chính xác đáp ứng yêu cầu kiểm kê carbon theo quy định; - 01 Báo cáo kết quả xây dựng phần mềm từ dữ liệu viễn thám đa tầng, đa độ phân giải; - 01 Phần mềm và cơ sở dữ liệu theo dõi, giám sát, sự thay đổi trữ lượng carbon rừng từ dữ liệu viễn thám được chuyển giao và cài đặt trên máy chủ của Cục quản lý chuyên ngành. - 01 quy trình kỹ thuật theo dõi, giám sát, sự thay đổi trữ lượng carbon rừng được Cục quản lý chuyên ngành chấp nhận. - 01 trang WebGIS và hệ thống tự động cung cấp thông tin thay đổi trữ lượng carbon rừng từ dữ liệu viễn thám. 	2025- 2027	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
		thay đổi trữ lượng carbon rừng từ dữ liệu viễn thám.			
21.	Nghiên cứu hoàn thiện các biện pháp kỹ thuật phục hồi rừng trên đất ngập nước (ngập phèn và ngập mặn) nhằm bảo tồn hệ sinh thái, phòng chống thiên tai và góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long	<ul style="list-style-type: none"> - Phân cấp được mức độ suy thoái của rừng trên đất ngập phèn và ngập mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. - Đánh giá được thực trạng suy thoái của rừng trên đất ngập nước (ngập phèn và ngập mặn) vùng Đồng bằng sông Cửu Long. - Xây dựng được một số mô hình áp dụng các biện pháp kỹ thuật phục hồi rừng tự nhiên, rừng trồng trên đất ngập nước (ngập phèn, ngập mặn) vùng Đồng bằng sông Cửu Long. - Xây dựng được một số hướng dẫn kỹ thuật phục hồi rừng tự nhiên, rừng trồng rừng trên đất ngập nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long 	<ul style="list-style-type: none"> - 02 Bảng phân cấp mức độ suy thoái của rừng trên đất ngập nước (01 cho ngập phèn và 01 cho ngập mặn) vùng Đồng bằng sông Cửu Long. - 01 Báo cáo thực trạng suy thoái của rừng trên đất ngập nước (ngập phèn và ngập mặn) vùng Đồng bằng sông Cửu Long. - 01 Mô hình ứng dụng biện pháp kỹ thuật khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, tĩa thưa nuôi dưỡng rừng, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Rừng ngập mặn: 12 ha mô hình (02 ha/mô hình; 3 mô hình rừng tự nhiên + 3 mô hình rừng trồng); + Rừng ngập phèn: 12 ha mô hình (02 ha/mô hình; 3 mô hình rừng tự nhiên + 3 mô hình rừng trồng). - 02 hướng dẫn kỹ thuật phục hồi rừng ngập phèn (rừng tự nhiên và rừng trồng) ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (được công nhận ít nhất 01 tiến bộ kỹ thuật). - 02 hướng dẫn kỹ thuật phục hồi rừng ngập mặn (rừng tự nhiên và rừng trồng) ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (được công nhận tiến bộ kỹ thuật). 	2025-2029	Tuyển chọn
22.	Nghiên cứu thiết kế chế tạo hệ thống thiết bị tích hợp các mô đun tự động sản xuất keo dán gỗ quy mô	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế chế tạo được hệ thống thiết bị tích hợp các mô đun tự động sản xuất keo dán gỗ quy mô công nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng và giảm 	<ul style="list-style-type: none"> - 01 hệ thống thiết bị tích hợp các mô đun tự động sản xuất keo dán gỗ quy mô công suất 10 tấn/mẻ, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Mô đun nạp liệu + Mô đun điều khiển thông số công nghệ tổng hợp keo + Mô đun định lượng sản phẩm keo - 01 bộ hồ sơ thiết kế, chế tạo hệ thống thiết bị theo TCVN 	2025-2028	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
	công nghiệp	thiểu ô nhiễm môi trường - Xây dựng được mô hình hệ thống thiết bị tích hợp các mô đun tự động sản xuất keo dán gỗ đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia áp dụng vào sản xuất	- 01 Hướng dẫn vận hành, chăm sóc bảo dưỡng hệ thống thiết bị - 01 tiến bộ kỹ thuật về hệ thống thiết bị được công nhận - 30.000 kg keo dán gỗ đạt chất lượng theo TCVN và đáp ứng QCVN 03-01:2022/BNNPTNT - 02 lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật vận hành và an toàn lao động của thiết bị vào sản xuất.		
VI	Thủy sản				
23.	Nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ ương cua biển (<i>Scylla paramamosain</i>) giống lớn quy mô hàng hóa	Xây dựng được quy trình ương cua biển giống lớn quy mô hàng hóa.	- Quy trình công nghệ ương cua biển giống lớn quy mô hàng hóa đạt các chỉ tiêu: Tỷ lệ sống $\geq 60\%$, kích cỡ $> 20g/con$; Quy trình được công nhận tiến bộ kỹ thuật. - Quy trình công nghệ được ứng dụng sản xuất tại doanh nghiệp, trại sản xuất. - Cua giống: 500.000 con, kích cỡ $> 20g/con$, sạch bệnh. - Tiêu chuẩn cơ sở về cua giống cỡ lớn.	2025-2026	Tuyển chọn
24.	Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ bảo quản tinh ngắn hạn cá song vua phục vụ sản xuất giống cá song lai quy mô công nghiệp	Nghiên cứu được quy trình công nghệ bảo quản tinh ngắn hạn cá song vua phục vụ sản xuất giống cá song lai quy mô công nghiệp	- Quy trình kỹ thuật bảo quản tinh ngắn hạn cá song vua <i>Epinephelus lanceolatus</i> phục vụ sản xuất giống (thời gian bảo quản sau 7-10 ngày) cá song lai quy mô hàng hóa: Hoạt lực tinh sau bảo quản $\geq 60\%$, tỷ lệ thụ tinh $\geq 70\%$, tỷ lệ nở $\geq 70\%$. Quy trình được công nhận cấp cơ sở. - Mô hình cung cấp tinh bảo quản cho ít nhất 03 trại sản xuất giống cá song lai, quy mô > 100.000 con giống cá song lai/năm/trại. - Tiêu chuẩn cơ sở về cá giống cá song lai.	2025-2027	Tuyển chọn
VII	Thủy lợi - Phòng chống thiên tai				
25.	Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng bộ thông số chất lượng nước và kỹ thuật sử dụng nước thải (sinh hoạt, chế biến thủy sản, công nghiệp chế biến	- Xác định được cơ sở khoa học và xây dựng được bộ thông số chất lượng nước thải (sinh hoạt, chế biến thủy sản, công nghiệp chế biến thực phẩm và đồ uống) sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo	- Báo cáo rà soát, đánh giá các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật của các nước trên thế giới về sử dụng nước thải sau xử lý làm nước tưới cây. - Báo cáo cơ sở khoa học và đề xuất bộ thông số chất lượng nước thải (sinh hoạt, chế biến thủy sản, công nghiệp chế biến thực phẩm và đồ uống) sau xử lý làm nước tưới cây lâu năm. - Báo cáo đề xuất các giải pháp kỹ thuật sử dụng nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường làm nước tưới cây lâu năm trong Hệ	2025-2027	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
	thực phẩm và đồ uống) sau xử lý làm nước tưới cây lâu năm	<p>vệ môi trường làm nước tưới cây lâu năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải (sinh hoạt, chế biến thủy sản, công nghiệp chế biến thực phẩm và đồ uống) sau xử lý làm nước tưới cây lâu năm. - Đề xuất giải pháp, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng nước thải (sinh hoạt, chế biến thủy sản, công nghiệp chế biến thực phẩm và đồ uống) sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường làm nước tưới cây lâu năm trong Hệ thống Bắc Hưng Hải. 	<p>thống thủy lợi Bắc Hưng Hải.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sử dụng nước thải (sinh hoạt, chế biến thủy sản, công nghiệp chế biến thực phẩm và đồ uống) sau xử lý làm nước tưới cây lâu năm (<i>được Cục Thủy lợi tiếp nhận để phục vụ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sử dụng nước thải sau xử lý làm nước tưới cây</i>). - Dự thảo hướng dẫn kỹ thuật sử dụng nước thải (sinh hoạt, chế biến thủy sản, công nghiệp chế biến thực phẩm và đồ uống) sau xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường làm nước tưới cây lâu năm trong Hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải (<i>được Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Hưng Hải chấp thuận</i>). 		
26.	Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí và giải pháp hiện đại hóa hệ thống công trình thủy lợi vùng đồng bằng sông Cửu Long.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng bộ tiêu chí về hiện đại hóa hệ thống công trình thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng ĐBSCL. - Đề xuất được giải pháp, lộ trình hiện đại hóa hệ thống công trình thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng ĐBSCL. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được thực trạng hệ thống công trình thủy lợi, Phân tích, làm rõ tính đặc thù (từng công trình và cả hệ thống công trình thủy lợi); Sự cấp thiết, nhu cầu hiện đại hóa hệ thống công trình thủy lợi vùng ĐBSCL. - Bộ tiêu chí hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng ĐBSCL (<i>được chuyển giao cho các cơ quan chuyên môn liên quan ở Trung ương, địa phương để nghiên cứu sử dụng</i>). - Giải pháp, lộ trình hiện đại hóa hệ thống công trình thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng ĐBSCL. - Đề án hiện đại hóa cho 01 hệ thống công trình thủy lợi vùng đồng bằng sông Cửu Long (dự kiến Hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long) (<i>được địa phương chấp thuận</i>). 	2025-2027	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
			<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu hướng dẫn hiện đại hóa (hạ tầng và quản lý vận hành) hệ thống công trình thủy lợi cho từng giai đoạn vùng ĐBSCL (<i>được chuyển giao cho địa phương để xem xét ứng dụng</i>) 		
27.	<p>Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thu, lọc, lưu trữ nước mưa bổ cập nước ngầm các giồng cát ven biển (ASR) và công nghệ thu nước ngọt trong sông vùng ảnh hưởng triều (FCFS) tại ĐBSCL</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được quy trình công nghệ ASR và công nghệ FCFS thu nước ngọt vùng ảnh hưởng triều kết hợp giải pháp thâm lọc phục vụ sinh hoạt và sản xuất vùng ĐBSCL. - Ứng dụng thử nghiệm và đánh giá hiệu quả giải pháp công nghệ FCFS phục vụ cấp nước sản xuất khu vực ĐBSCL. - Ứng dụng thử nghiệm và đánh giá hiệu quả công nghệ ASR phục vụ sinh hoạt và sản xuất vùng ĐBSCL 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng quan tình hình nguồn nước và các giải pháp công nghệ đã thực hiện phục vụ thu, xử lý, trữ và cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất vùng ĐBSCL. - Báo cáo đánh giá tiềm năng ứng dụng công nghệ FCFS và ASR phục vụ sinh hoạt và sản xuất khu vực ĐBSCL. - Quy trình Công nghệ FCFS (thiết kế, xây dựng và quản lý vận hành; điều kiện/phạm vi áp dụng) phục vụ sản xuất khu vực ĐBSCL. - Quy trình công nghệ ASR (thiết kế, xây dựng và quản lý vận hành; điều kiện/phạm vi áp dụng) phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực ĐBSCL. - Báo cáo quy trình sản xuất và thử nghiệm vật liệu thâm lọc bằng phế phẩm nông nghiệp (rơm rạ, xơ dừa, bã mía...) xử lý lọc thô nước ngọt vùng triều và nước mưa phục vụ trữ, bổ cập nước ngầm các giồng cát ven biển. - 01 mô hình thử nghiệm và báo cáo đánh giá hiệu quả (kỹ thuật, kinh tế, xã hội và môi trường) của công nghệ ASR trong việc thu, xử lý, và bổ cập nguồn nước ngầm trong các giồng cát ven biển phục vụ cấp nước sinh hoạt khu vực ĐBSCL (<i>được nơi áp dụng chấp thuận</i>). - 01 mô hình thử nghiệm và báo cáo đánh giá hiệu quả (kỹ thuật, kinh tế, xã hội và môi trường) của công nghệ thu nước ngọt vùng ảnh hưởng triều kết hợp giải pháp thâm lọc FCFS bằng vật liệu lọc địa phương phục vụ cấp nước cho nuôi trồng thủy sản (khoảng 01 ha) (<i>được nơi áp dụng chấp thuận</i>). - Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật thiết kế, thi công và quản lý vận hành công nghệ FCFS và ASR phục vụ sinh hoạt và sản xuất khu vực ĐBSCL (<i>xuất bản sách chuyển giao cho các địa phương</i>) 	2025-2027	Tuyển chọn
28.	<p>Nghiên cứu phương pháp địa vật lý kết hợp phương pháp khảo sát điểm phát hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định cơ sở khoa học và đề xuất giải pháp kết hợp phương pháp địa vật lý và phương pháp khảo sát điểm thực địa phát 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá các giải pháp, các công nghệ đã áp dụng trong việc xác định, phát hiện sớm các ẩn họa trong thân đập đất và kiểm tra, đánh giá, kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước. - Báo cáo cơ sở khoa học ứng dụng phương pháp địa vật lý kết hợp khảo sát điểm thực địa để xác định sớm các ẩn họa trong thân đập đất phục vụ 	2025-2027	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
	sớm các ẩn họa trong thân đập đất phục vụ kiểm tra, đánh giá, kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước	hiện sớm các ẩn họa trong thân đập đất phục vụ kiểm tra, đánh giá, kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước. - Xây dựng được quy trình và hướng dẫn kỹ thuật kết hợp phương pháp địa vật lý và phương pháp khảo sát điểm thực địa phát hiện sớm các ẩn họa trong thân đập đất phục vụ kiểm tra, đánh giá, kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước.	và kiểm tra, đánh giá, kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước. - Báo cáo đề xuất giải pháp kết hợp phương pháp địa vật lý và phương pháp khảo sát điểm thực địa xác định, phát hiện sớm các ẩn họa trong thân đập đất phục vụ kiểm tra, đánh giá, kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước. - Áp dụng phương pháp địa vật lý kết hợp phương pháp khảo sát điểm thực địa xác định ẩn họa trong thân đập đất phục vụ kiểm tra, đánh giá, kiểm định an toàn cho 01-02 đập, hồ chứa nước. - Quy trình và hướng dẫn kỹ thuật (kết hợp phương pháp địa vật lý và phương pháp khảo sát điểm thực địa) phát hiện sớm các ẩn họa trong thân đập đất phục vụ kiểm tra, đánh giá, kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước (<i>được Cục Thủy lợi chấp thuận</i>).		
B	ĐỀ TÀI KH&CN TIỀM NĂNG				
I	Trồng trọt-BVTV				
1.	Chọn, tạo được các dòng/giống khoai lang rau có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với yêu cầu sản xuất tại một số tỉnh phía Bắc	Chọn, tạo được các dòng/giống khoai lang rau có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với yêu cầu sản xuất tại một số tỉnh phía Bắc	- Báo cáo kết quả đánh giá đặc điểm nông học, năng suất, chất lượng và đặc điểm di truyền các tính trạng nông học quan trọng của các giống khoai lang rau. - 03-05 dòng/giống triển vọng có năng suất (lá, ngọn) 25-30 tấn/ha tấn (6-7 lần thu hoạch); hàm lượng tanin $\leq 2,0\%$, hàm lượng chất xơ $< 12,0\%$. - Tối thiểu 01 bài báo.	2025-2027	Giao trực tiếp Viện Cây lương thực – Cây thực phẩm
2.	Nghiên cứu tạo nguồn vật liệu khởi đầu phục vụ chọn tạo giống bí ngòi (<i>Cucurbita pepo</i> L.) lai F1 tại các tỉnh phía Bắc	Nâng cao hiệu quả sản xuất cây bí ngòi thông qua việc nghiên cứu chọn tạo giống bí ngòi lai (F1) trong nước, nhằm giảm chi phí đầu tư hạt giống, chủ động giống trồng cho các mùa vụ sản xuất cây	- Báo cáo kết quả đánh giá đặc điểm nông học, năng suất, chất lượng và đặc điểm di truyền các tính trạng nông học quan trọng của các giống bí ngòi. - Tạo được 02 - 03 dòng bí ngòi phù hợp ăn tươi có khả năng kết hợp chung cao và duy trì được các tính trạng về năng suất ≥ 30 tấn/ha, chất lượng tốt (hàm lượng vitamin C $\geq 2,5$ mg/100 g), chống chịu khá với bệnh phấn trắng (điểm ≤ 3). - Tối thiểu 01 bài báo.	2025-2027	Giao trực tiếp Viện Nghiên cứu Rau quả

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
		rau bí ngòi ở các tỉnh phía Bắc			
3.	Nghiên cứu tuyển chọn giống mía phục vụ ăn tươi và ép nước uống tại vùng Đông Nam bộ	Tuyển chọn được giống mía phục vụ ăn tươi và ép nước uống tại vùng Đông Nam bộ nhằm nâng cao hiệu quả cho sản xuất cho người trồng mía tại vùng Đông Nam Bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ tiêu chí về giống mía cho ăn tươi và ép nước uống. - Xác định 01 - 02 giống mía có năng suất ≥ 80 tấn/ha, CCS ≥ 10, phù hợp ăn tươi và ép nước uống. - Tối thiểu 01 bài báo. 	2025 - 2027	Giao trực tiếp Viện Nghiên cứu Mía đường
II	Chăn nuôi, Thú y				
4.	Nghiên cứu đông lạnh tinh dịch phù hợp cho ong ngoại (<i>Apis mellifera</i>) ở Việt Nam	Xây dựng được quy trình đông lạnh tinh dịch phù hợp cho ong ngoại (<i>Apis mellifera</i>) ở Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình đông lạnh tinh dịch phù hợp với ong ngoại <i>Apis mellifera</i> ở Việt Nam với tỉ lệ sống của tinh trùng sau khi thụ tinh nhân tạo 24 giờ đạt $\geq 43\%$. - 250 liều tinh đảm bảo tỉ lệ sống của tinh trùng sau khi thụ tinh nhân tạo 24 giờ đạt $\geq 43\%$. - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. 	2025 - 2026	Giao trực tiếp Trung tâm nghiên cứu ong và CGCN Chăn nuôi
5.	Nghiên cứu tuyển chọn các chủng giống vi khuẩn để phát triển vắc xin ngâm tam giá vô hoạt phòng bệnh xuất huyết và gan thận mũ cho cá Tra	Tuyển chọn được chủng giống vi khuẩn có đặc tính sinh miễn dịch, sinh học phân tử mang tính đại diện và đặc trưng (có đủ gene độc lực) để nghiên cứu phát triển vắc xin ngâm tam giá vô hoạt phòng bệnh xuất huyết và gan thận mũ cho cá Tra	<ul style="list-style-type: none"> - 60 chủng vi khuẩn <i>A. dhakensis</i>, <i>A. hydrophila</i> và <i>E. ictaluri</i> gây bệnh trên cá Tra. - Báo cáo thực trạng tỷ lệ nhiễm và thành phần loài vi khuẩn <i>A. dhakensis</i>, <i>A. hydrophila</i> và <i>E. ictaluri</i> gây bệnh trên cá Tra nuôi tại Đồng Tháp, An Giang và Cần Thơ. - Báo cáo đặc tính sinh học, đặc tính sinh học phân tử (các gene độc lực) của các chủng vi khuẩn phân lập. - 03 chủng giống vi khuẩn <i>A. dhakensis</i>, <i>A. hydrophila</i> và <i>E. ictaluri</i> có đặc tính sinh miễn dịch, sinh học phân tử mang tính đại diện và đặc trưng (có đủ gene độc lực) để sử dụng nghiên cứu phát triển vắc xin ngâm tam giá vô hoạt phòng bệnh. - 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí chuyên ngành. 	2025-2026	Giao trực tiếp Phân viện Thú y Miền Trung
6.	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ và biện pháp phòng trị một số bệnh giun tròn tiêu hóa ở chó, Bắc Ninh và đề xuất giải	Xác định được một số đặc điểm dịch tễ bệnh giun tròn đường tiêu hóa ở chó mèo tại Bắc Giang, Bắc Ninh và đề xuất giải	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực trạng nhiễm giun tròn đường tiêu hóa ở chó, mèo tại Bắc Giang và Bắc Ninh. - Xây dựng được bản đồ dịch tễ bệnh giun tròn đường tiêu hóa tại Bắc Giang và Bắc Ninh. - Báo cáo hiệu quả công tác phòng trị bệnh chó mèo tại 02 tỉnh Bắc 	2025 - 2026	Giao trực tiếp Đại học Nông Lâm Bắc Giang

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
	mèo lây nhiễm sang người tại Bắc Giang, Bắc Ninh	pháp phòng trị bệnh.	Giang và Bắc Ninh. - Đề xuất giải pháp chống lây nhiễm ấu trùng phòng chống bệnh ký sinh trùng đường tiêu hóa chó, mèo sang người.		
III	Lâm nghiệp				
7.	Nghiên cứu nuôi trồng nấm Vân chi đỏ (<i>Pycnoporus sanguineus</i>) và nấm Vân chi (<i>Trametes</i> sp.) có giá trị kinh tế cao dưới tán rừng nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển lâm nghiệp bền vững.	- Tạo được giống nấm Vân chi đỏ và vân chi phù hợp trồng dưới tán rừng ở Việt Nam. - Xây dựng được Hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng nấm của 2 loài trên dưới tán rừng.	- 01 Báo cáo kết quả về điều kiện sinh học, sinh thái để phát triển nấm Vân chi đỏ, Vân chi. - 02 loài nấm được thu thập từ 3 tỉnh, phân lập được ít nhất 1 chủng/loài/tỉnh. - 02 Hướng dẫn kỹ thuật tạm thời nuôi trồng nấm Vân chi đỏ (<i>Pycnoporus sanguineus</i>); Nấm Vân chi (<i>Trametes</i> sp.) quy mô phòng thí nghiệm - 200 bịch nấm/loài được trồng trên giá thể phù hợp trong phòng thí nghiệm - 100 m ² /loài (300 bịch nấm/loài) được trồng thử nghiệm nấm dưới tán rừng.	2025 -2026	Giao trực tiếp VKHLNVN
8.	Nghiên cứu kỹ thuật gây trồng một số loài cây ngập mặn bằng bầu bê tông rỗng nhằm hạn chế xói lở cho vùng ven biển Nam Bộ	- Sản xuất được bầu bê tông thích hợp để gây trồng cây ngập mặn. - Lựa chọn được loài cây ngập mặn phù hợp để gây trồng bằng bầu bê tông rỗng. - Đề xuất được một số biện pháp kỹ thuật trồng một số loài cây ngập mặn bằng bầu bê tông rỗng phòng chống xói lở cho vùng ven biển Nam Bộ.	- 01 báo cáo đánh giá về khả năng ứng dụng của bầu bê tông rỗng để trồng một số loài cây ngập mặn. - 500 bầu bê tông rỗng có độ rỗng $\geq 20\%$, có khả năng trồng một số loài cây ngập mặn. - 01 loài cây thích hợp cho gieo ươm và trồng rừng bằng bầu bê tông rỗng được lựa chọn. - 01 hướng dẫn kỹ thuật tạm thời trồng cây ngập mặn bằng bầu bê tông rỗng cho 01 loài cây thích hợp đã được thử nghiệm. - 0,5 ha mô hình thí nghiệm trồng rừng ngập mặn bằng bầu bê tông rỗng.	2025-2026	Giao trực tiếp Viện KHLNVN
9.	Nghiên cứu chọn giống và trồng cây Bồ đề (<i>Ficus religiosa</i> L.) theo	- Chọn được giống Bồ đề triển vọng lấy lá làm đồ thủ công mỹ nghệ. - Xác định được một số	- 01 Báo cáo bổ sung đặc điểm sinh học, thực trạng nhân giống, trồng cây Bồ đề. - Ít nhất 60 cây trội Bồ đề từ một số tỉnh phía Bắc được chọn lọc. - Ít nhất 01 xuất xứ Bồ đề có triển vọng phù hợp tiêu chí làm đồ thủ công	2025-2026	

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
	chuỗi giá trị tại một số tỉnh phía Bắc	biện pháp kỹ thuật nhân giống và trồng Bồ đề lấy lá.	mỹ nghệ. - 1,5 ha khảo nghiệm hậu thế kết hợp đánh giá xuất xứ tại một địa điểm cụ thể. - 01 ha mô hình thí nghiệm kỹ thuật trồng Bồ đề lấy lá. - 01 Hướng dẫn kỹ thuật nhân giống Bồ đề lấy lá. - Một số biện pháp kỹ thuật trồng Bồ đề lấy lá.		
IV	Thủy sản				
10.	Nghiên cứu thử nghiệm cải thiện môi trường nuôi tôm quảng canh, tôm rừng khu vực ven biển bằng loài vi sinh quang dưỡng <i>Rhodobacteria sp</i>	Nghiên cứu việc sử dụng vi khuẩn quang dưỡng <i>Rhodobacter sp.</i> để cải thiện môi trường nuôi và tăng sản lượng thu hoạch tôm nuôi quảng canh và tôm rừng	- Dự thảo quy trình công nghệ nhân sinh khối vi khuẩn quang dưỡng <i>Rhodobacter sp.</i> tại chỗ đạt tính ổn định và hiệu quả cho người dân sử dụng. - Duy trì mật độ vi khuẩn <i>Vibrio sp.</i> $10^3 CFU/mL$. - Báo cáo kết quả đánh giá việc sử dụng <i>Rhodobacter sp.</i> làm giảm thiểu khí độc trong nền đáy, đảm bảo sức khỏe cho tôm nuôi. - Tăng sản lượng tôm 20%.	2025-2026	Giao trực tiếp Viện Nghiên cứu NTTS II
11.	Nghiên cứu thăm dò sử dụng phụ phẩm từ chuỗi trong nuôi tôm	Thăm dò khả năng dùng sản phẩm từ chuỗi trong nuôi tôm	Báo cáo kết quả sử dụng sản phẩm từ chuỗi trong nuôi tôm: Phương pháp chế biến và sử dụng phụ phẩm chuỗi làm thức ăn, hiệu quả sử dụng (hiệu quả sơ bộ về năng suất, sản lượng, kinh tế và môi trường).	2025	Giao trực tiếp Viện Nghiên cứu NTTS III
V	Thủy lợi - Phòng chống thiên tai				
12.	Nghiên cứu giải pháp sử dụng thiết bị bay không người lái (UAV) và hệ thống thiết bị để phát hiện nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, giám sát chất lượng nước cho hồ chứa	Ứng dụng và phát triển được giải pháp sử dụng thiết bị bay không người lái (UAV) kết hợp với công nghệ IoT; hệ thống thiết bị đo (diễn toán ảnh, cảm biến đo, kết hợp lấy mẫu) phát hiện nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, giám sát chất lượng nước	- Báo cáo cơ sở khoa học ứng dụng kết hợp phương pháp diễn toán ảnh; dữ liệu cảm biến đo trực tiếp; và phương pháp lấy mẫu trên nền tảng thiết bị bay không người lái (UAV) phục vụ giám sát chất lượng nước hồ chứa. - Báo cáo kết quả thử nghiệm bay, diễn toán ảnh, đo trực tiếp, lấy mẫu, phân tích và xử lý số liệu chất lượng nước cho 01 hồ chứa. - 01 phần mềm giám sát chất lượng nước trên nền internet, hiển thị tham số chất lượng nước. - Quy trình sử dụng thiết bị bay không người lái kết hợp diễn toán ảnh, đo trực tiếp, lấy mẫu phát hiện nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, giám sát chất lượng nước. - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học công nghệ chuyên	2025-2026	Giao trực tiếp Trường Đại học Thủy lợi

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
			ngành		